

QUAN HỆ VIỆT - MỸ: PHÂN TÍCH TỪ MỘT SỐ KHÍA CẠNH LỢI ÍCH

Nguyễn Hà Trang*

Tóm tắt: Sự tham gia của các chủ thể là quốc gia trong quan hệ quốc tế đều xuất phát từ các khía cạnh lợi ích của quốc gia. Mỗi quan hệ Việt - Mỹ được đánh giá là đặc biệt, hai quốc gia từng là cựu thù nhưng trong hơn 20 năm qua, mỗi quan hệ này đã có những bước phát triển vượt bậc. Trên cơ sở phân tích lợi ích của các bên trong quan hệ Việt - Mỹ, bài viết đưa ra một số nhận xét về triển vọng của mỗi quan hệ này.

Từ khóa: quan hệ Việt - Mỹ, lợi ích, quan hệ quốc tế...

Mỗi quốc gia tham gia vào quá trình quan hệ quốc tế đều tất yếu hướng đến mục tiêu đạt được các lợi ích cho quốc gia mình, đây là một nội dung quan trọng trong quan hệ quốc tế; và các chính sách được hoạch định, trong đó có chính sách đối ngoại cũng được xây dựng trên cơ sở lợi ích quốc gia, thậm chí được xem như một công cụ, phương tiện để qua đó các quốc gia đạt được lợi ích của mình; thông thường hướng đến ba mục tiêu: *tăng cường an ninh, mở rộng không gian phát triển và nâng cao vị thế của quốc gia*¹. “Lợi ích là nhân tố quan trọng nhất đối với hợp tác quốc tế bởi đó là nguyên nhân hàng đầu và động lực chủ yếu”²; “lợi ích quốc gia là một trong những khái niệm cơ bản trong quan hệ quốc tế”³. Thực tế cho thấy, hầu hết mọi hợp tác quốc tế, nếu không nói là tất cả⁴ đều được tiến hành nhằm thực hiện lợi ích nào đó của các bên tham gia; phần lớn các quốc gia đều thường xuyên theo đuổi các lợi ích trong quan hệ quốc tế.

Do vậy, “chính sách đối ngoại thường được xây dựng một cách phù hợp với lợi ích quốc gia”⁵, có mỗi quan hệ mật thiết với lợi ích quốc gia và đây là cách tiếp cận phổ biến. Với cách tiếp cận này, ở một mức độ nào đó, lợi ích quốc gia chính là cơ sở để các quốc gia tham gia vào quan hệ quốc tế, trong đó có các mối quan hệ hợp tác song phương. Các hành vi của quốc gia trong quan hệ quốc tế đôi khi được biện minh bằng lợi ích quốc gia, và cũng chính lợi ích này sẽ đóng vai trò chi phối hành động của các quốc gia trong quan hệ quốc tế.

Như vậy, điều mà các quốc gia theo đuổi trong quá trình tham gia vào quan hệ quốc tế chính là lợi ích; đây là kim chỉ nam dẫn đường, và là mục tiêu quan trọng mà các quốc gia hướng đến. Và để đảm bảo lợi ích của mình trong mỗi quan hệ với các quốc gia khác, các quốc gia thường sử dụng các công cụ: ngoại giao, tuyên truyền, kinh tế, hiệp ước đồng minh và các hiệp ước, các công cụ cưỡng chế... Mỗi quốc gia có thể có

* Đại học Thủ Dầu Một
NCS. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN

những cách lý giải khác nhau về vấn đề lợi ích của mình, ngoài những vấn đề cốt lõi, bất biến thì có những khía cạnh lợi ích khác tùy thuộc vào nhu cầu, địa vị, bối cảnh phát triển của mỗi quốc gia mà có thể có sự xác lập hệ thống và thứ tự ưu tiên các lợi ích khác nhau, từ đó hình thành nên một hệ thống chính sách và quá trình triển khai chính sách trong thực tiễn khác nhau, và mối quan hệ Việt - Mỹ đặt trong bối cảnh quan hệ quốc tế nói chung cũng không nằm ngoài quy luật này.

1. Quan hệ Việt - Mỹ từ khía cạnh lợi ích của Mỹ

Việt Nam được đặt trong tổng thể chính sách tại khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương và hiện nay là chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ. Động cơ chính đằng sau chính sách đối với Việt Nam là một số lợi ích nhìn từ phía Mỹ. Quá trình Mỹ thúc đẩy quan hệ với Việt Nam kể từ khi bình thường hóa là sự tổng hòa các lợi ích đó, có lúc song trùng với Việt Nam, nhưng cũng có những lợi ích đơn phương, đều hướng đến mục tiêu quan trọng nhất của Mỹ tại khu vực là "nước Mỹ trên hết" và tiếp tục duy trì, đồng thời tăng cường sự hiện diện, ảnh hưởng trên nhiều mặt để qua đó bảo vệ vị trí lãnh đạo thế giới. Trong quá trình triển khai chính sách để đạt được các mục tiêu trên, một cách cụ thể, Mỹ đánh giá Việt Nam trên các khía cạnh lợi ích sau:

Thứ nhất, việc bình thường hoá quan hệ và thúc đẩy hợp tác với Việt Nam trước hết xuất phát từ nhu cầu nội tại của nước Mỹ, nhất là nhu cầu thoát khỏi "hội chứng Việt Nam" đã gây chia rẽ xã hội Mỹ. Thuật ngữ "Hội chứng Việt Nam" được sử dụng ngay sau khi kết thúc Chiến tranh Việt Nam, "*là một thuật ngữ được sử dụng phổ biến tại Mỹ, để mô tả những chấn động trong tâm lý của người Mỹ, cũng như những tranh cãi nội bộ của chính giới Mỹ liên quan đến chính sách can thiệp của Mỹ vào cuộc Chiến tranh Việt Nam*"⁶, đồng thời thông qua đó hàm ý "*nói về những sự can thiệp miễn cưỡng của quân đội Mỹ ở nước ngoài*"⁷. Mỹ không thể khép lại "một trong những chương đáng buồn nhất" trong lịch sử Mỹ mà không cần đến sự hợp tác của Việt Nam. Ngay từ thời Tổng thống Jimmy Carter (1977-1981), Mỹ đã "để ngỏ khả năng cải thiện quan hệ với Việt Nam", là một trong những cố gắng khắc phục "Hội chứng Việt Nam" trong nước, và cũng là sự cải thiện hình ảnh của Mỹ trên thế giới.⁸

Thứ hai, lĩnh vực kinh tế - thương mại được cả hai nước cho là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu ngay từ khi đặt vấn đề bình thường hóa. Việt Nam được đánh giá là một quốc gia đang trên đà phát triển mạnh mẽ, theo Báo cáo của Viện Toàn cầu McKinsey (MGI), Việt Nam được đánh giá là 1 trong 18 nền kinh tế "đạt hiệu quả vượt trội hơn" trong vòng 50 năm qua và thuộc nhóm có kinh tế tăng trưởng GDP

đầu người hơn 5% trong 20 năm qua"⁹ Với mức phát triển nhanh nhất Đông Á, sau Trung Quốc và ngày càng thu hút đầu tư quốc tế, Việt Nam đang nổi lên như một cường quốc kinh tế khu vực¹⁰. Thành công về kinh tế và sự ổn định về chính trị của Việt Nam được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao, các cường quốc trên thế giới mong muốn tạo ra sự dịch chuyển quyền lực tại khu vực Đông Nam Á và duy trì sự hiện diện theo hướng có lợi cho mình thì đều khó bỏ qua nhân tố Việt Nam. Việt Nam là một thị trường khá rộng lớn với hơn 90 triệu dân, chi phí cho lao động có tính cạnh tranh, là nơi thu hút nhiều nhà đầu tư của Mỹ. Nếu như trong năm 1995, Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ gần 200 triệu USD, và nhập khẩu từ Mỹ khoảng hơn 150 triệu USD; tổng kim ngạch buôn bán giữa hai nước đạt 452 triệu USD¹¹. Thị đến năm 2018, kim ngạch trao đổi thương mại song phương giữa Việt Nam và Mỹ đạt khoảng 60,28 tỷ USD; Việt Nam hiện là đối tác xếp thứ 12 về xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ, xếp thứ 27 về nhập khẩu hàng hóa và là đối tác thương mại lớn thứ 16 của Mỹ¹². Kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng hơn 130 lần từ sau khi bình thường hóa, đây là những con số quan trọng, đã phản ánh những thành tựu nổi bật của quan hệ kinh tế song phương. Thực tế cho thấy đây là lĩnh vực phát triển năng động và ấn tượng nhất giữa hai quốc gia, mang lại những lợi ích quan trọng cho cả hai bên.

Thứ ba, "vị trí" là một nguồn tài nguyên mang tính chiến lược của Việt Nam, có ý nghĩa về địa chính trị: nằm giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, chắn trên con đường hàng hải Bắc - Nam nối liền Đông Á, Bắc Á với Ấn Độ Dương, Trung Đông, châu Phi, châu Âu; kết nối những vị trí trọng điểm trên bản đồ chiến lược thế giới nối từ eo biển Bering (giúp kiểm soát được các tuyến hàng hải đi từ Tây Thái Bình Dương, vòng qua Bắc Cực sang châu Âu), cho đến Cape Town của Nam Phi tạo thành trục eo biển Bering - bán đảo Triều Tiên - Đài Loan - eo biển Malacca. Đây là vị trí nằm trên các trục giao thông, tuyến thương mại huyết mạch của khu vực và quốc tế, chiếm vị trí trung tâm của các hoạt động kinh tế diễn ra khắp châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời rất có tính chiến lược trong phòng thủ quốc tế. Ngoài ra, đường bờ biển dài của Việt Nam có thể cho phép các tàu hải quân, tàu chiến vào các cảng thương mại để tiếp nhiên liệu, bảo trì, thực hiện các dịch vụ hậu cần cũng như mở ra các khả năng tiếp cận cho các tàu chiến¹³; Việt Nam có vị thế hàng hải tiềm năng tạo ra ảnh hưởng ở khu vực. Điều này góp phần tạo ra sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đối với Việt Nam. Trong lịch sử, Việt Nam đã từng là địa bàn tranh giành ảnh hưởng giữa các cường quốc trên thế giới, và trong bối cảnh hiện nay, việc tăng cường quan hệ với một nhân tố đầy tiềm năng và tính chiến lược như Việt Nam mang lại rất nhiều lợi ích cho Mỹ.

Thứ tư, Mỹ có lợi ích trong bảo đảm an ninh, hòa bình, trật tự ổn định ở khu vực Đông Nam Á. Việt Nam có vai trò ngày càng quan trọng trong các tổ chức, diễn đàn đa phương, đặc biệt là ở Đông Nam Á, khu vực rất được Mỹ quan tâm. Việt Nam đang chiếm được cảm tình trong ASEAN như một quốc gia có trách nhiệm, đáng tin cậy ở khu vực và quốc tế, “là một nhân tố ngày càng có vai trò quan trọng trong cộng đồng ASEAN”¹⁴; Việt Nam đã có những đóng góp to lớn đối với hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và thế giới; khẳng định năng lực và nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên nhiều phương diện cả về kinh tế, chính trị và an ninh. Trong chính sách của Chính quyền B. Obama và Chính quyền D. Trump, Mỹ chủ trương cùng cố quan hệ với các đồng minh và thúc đẩy quan hệ với các nước khác để hạn chế sự xáo trộn quyền lực tại khu vực. Là siêu cường thế giới và thực hiện mục tiêu duy trì vai trò lãnh đạo toàn cầu, bảo đảm trật tự và triển khai hiệu quả chính sách tại khu vực, Mỹ cần thêm những đối tác thân thiện, bên cạnh các đồng minh truyền thống, do đó rất cần vai trò của Việt Nam và đánh giá Việt Nam là một “đối tác an ninh và kinh tế”¹⁵. Để cùng cố cho hòa bình và ổn định ở khu vực, Mỹ ủng hộ một Việt Nam có vai trò tích cực trong ASEAN và các cấu trúc an ninh khu vực đang định hình; đồng thời Mỹ cũng có nhiều lợi ích song trùng với Việt Nam trong việc kiến tạo

một khu vực hòa bình, ổn định và thịnh vượng.

Thứ năm, yếu tố lợi ích của Mỹ trong quan hệ với Việt Nam cũng được xem xét trong bối cảnh cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc. “Ở châu Á, Trung Quốc đang lớn mạnh không ngừng cả về kinh tế, chính trị và quân sự, đang cạnh tranh với Mỹ trên phạm vi toàn cầu”¹⁶, và bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc đang diễn ra khá phức tạp. Đối với nhân tố Trung Quốc, có thể đánh giá trên hai khía cạnh: (i) sự trỗi dậy, tăng cường ảnh hưởng ở khu vực đe dọa vai trò lãnh đạo của Mỹ và (ii) đe dọa đối với an ninh, hòa bình của khu vực, gắn với lợi ích của Mỹ. Tuy Mỹ cần sự hợp tác của Trung Quốc để đối phó với một số vấn đề quan trọng toàn cầu nhưng Trung Quốc thực sự là một đối thủ tiềm tàng.

Trong năm 2010, Trung Quốc đã vượt qua Nhật Bản, vươn lên vị trí nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, sau Mỹ. Theo dự báo của nhiều chuyên gia và các tổ chức quốc tế, sau năm 2020, Trung Quốc có thể vượt Mỹ về GDP để trở thành nền kinh tế số một thế giới. Hiện nay, “Trung Quốc chứ không phải Mỹ trở thành đối tác thương mại lớn nhất của nhiều quốc gia châu Á, và thị phần của Trung Quốc tiếp tục tăng; như trường hợp của Nhật Bản, giá trị thương mại với Trung Quốc hiện chiếm hơn 20%, trong khi Mỹ chỉ chiếm 12,5%; trường hợp Ấn Độ giá trị thương mại với Trung Quốc chiếm 1/6

[hơn 16%] và Mỹ là 1/8 [khoảng 12,5%]; thương mại của Hàn Quốc với Trung Quốc bằng tổng số giá trị thương mại với cả Mỹ và Nhật Bản cộng lại; với Indonesia trong tổng số giá trị thương mại thì với Nhật Bản là 14%, Trung Quốc là 12,5%, và 7% với Mỹ¹⁷; ngoài ra với những sáng kiến như Vành Đai và Con Đường (BRI), Trung Quốc đã đầu tư ồ ạt vào xây dựng cơ sở hạ tầng ở các nước Trung Á, Nam Á, và châu Phi để mở rộng ảnh hưởng của mình.

Bên cạnh sự phát triển về kinh tế, Mỹ còn tỏ ra lo lắng trước sự lớn mạnh về tiềm lực quân sự của Trung Quốc, cũng như việc tăng đầu tư cho lĩnh vực quốc phòng, cùng đó là những hoạt động cứng rắn liên tiếp của hải quân Trung Quốc ở các vùng Biển Hoa Đông và Biển Đông. Trong hơn nửa thế kỷ qua, sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế và quân sự của Trung Quốc đã tạo ra những thách thức đối với Mỹ và sự ngờ vực đang dẫn hai quốc gia này đến chỗ "cạnh tranh" không thể tránh khỏi¹⁸. Mỹ đánh giá "*Trung Quốc đang sử dụng các lợi ích và sự trừng phạt kinh tế, tầm ảnh hưởng và hàm ý đe dọa quân sự khiến các quốc gia khác quan tâm nhiều hơn đến chính trị và các chương trình an ninh của Trung Quốc; đang đầu tư cho cơ sở hạ tầng và có những chiến lược thương mại nhằm thực hiện những tham vọng liên quan đến chính trị của mình*"¹⁹; vì vậy Mỹ đã xếp Trung Quốc vào nhóm đối thủ "cấp toàn cầu" đang cạnh tranh vị trí lãnh đạo với Mỹ khi

thực thi một loạt chiến lược cạnh tranh và Mỹ đặc biệt chú ý đến "*những nỗ lực xây dựng và quân sự hóa các tiền đồn ở vùng Biển Đông gây nguy hiểm cho Việt Nam, các tuyến đường thương mại, đe dọa chủ quyền của các quốc gia khác, và ảnh hưởng đến hòa bình khu vực*"²⁰.

Do yêu cầu mục tiêu của chiến lược toàn cầu, Mỹ sẽ ngăn chặn sự xuất hiện bất kỳ một quốc gia nào có thể thách thức vị thế lãnh đạo thế giới của Mỹ và đặt trọng tâm phòng ngừa đối thủ chiến lược trước hết chính là Trung Quốc, một nước lớn đang chứa đựng những tiềm năng phát triển mạnh trên nhiều mặt ở cả khu vực và thế giới. Mỹ tuyên bố các vấn đề về tự do, an toàn và an ninh hàng hải là những lợi ích quốc gia của mình, phản đối các hành động gây hấn, kêu gọi tôn trọng luật pháp quốc tế, do đó Mỹ rất quan tâm đến các đồng minh và đối tác an ninh tại khu vực. Cả Mỹ và Việt Nam ngày càng nhận thức rõ mối đe dọa gia tăng mà một Trung Quốc trở dậy đang thách thức các lợi ích chiến lược của hai bên; và Việt Nam sẽ là một nhân tố quan trọng trong quá trình Mỹ triển khai các biện pháp cạnh tranh ảnh hưởng cũng như kiểm chế Trung Quốc tại khu vực.

2. Quan hệ Việt - Mỹ từ khía cạnh lợi ích của Việt Nam

Từ sau Đổi mới đến nay, nhận thức về lợi ích quốc gia của Việt Nam là một quá trình, "*giai đoạn 1986-1996 là thời gian định hình nhận thức về lợi ích quốc gia,*

mới chỉ tập trung vào “sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”; giai đoạn 1996-2006, lợi ích quốc gia đã được định hình với những nội dung cơ bản, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006) cũng “lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất”²¹ và vấn đề “lợi ích đất nước” “gắn liền với việc thực hiện thành công công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”²². Đến Đại hội XI (2011), lợi ích quốc gia - dân tộc được đề cập gắn với bối cảnh thực hiện đường lối đối ngoại “độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển ... chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”²³. Sau 30 năm đổi mới (1986-2016), Đảng ta đã rút ra các bài học kinh nghiệm, trong đó có nhấn mạnh “phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết”²⁴. Đồng thời, Đại hội lần thứ XII (2016) đã thể hiện quan điểm lợi ích quốc gia không chỉ phù hợp với quyền lợi của quốc gia mà cũng cần hài hoà với lợi ích của các đối tác, bạn bè quốc tế và phù hợp với luật pháp quốc tế; Văn kiện nêu rõ việc “bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi ... chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, ... nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hoà bình, ổn định,

tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”²⁵. Như vậy, có thể thấy, lợi ích quốc gia của Việt Nam xoay quanh hai vấn đề rất quan trọng; “độc lập dân tộc” vẫn là mục đích chính sách cao nhất, bên cạnh đó là mục tiêu phát triển, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay còn gắn với quá trình hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực đang có nhiều biến động, xu hướng chung hiện nay trong quan hệ quốc tế là quá trình hợp tác và đấu tranh đan xen lẫn nhau. Do vậy, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế là phương thức tốt nhất để Việt Nam vừa xây dựng vừa bảo vệ Tổ quốc và bảo đảm lợi ích quốc gia. Để đạt được các mục tiêu về lợi ích quốc gia, trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại, với Mỹ, Việt Nam có những đánh giá về mặt lợi ích cụ thể trên các phương diện sau:

Thứ nhất, phát triển mối quan hệ với Mỹ hoàn toàn phù hợp với lợi ích của Việt Nam trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại. Ngay từ rất sớm, Việt Nam đã nhận thức rõ tầm quan trọng cũng như tính cấp thiết của việc mở rộng quan hệ đối ngoại, khẳng định: “thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập

*quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới*²⁶ Trong chủ trương đối ngoại hòa bình, đa phương hóa, đa dạng hóa đó, Việt Nam luôn coi trọng phát triển quan hệ với các nước lớn trên thế giới, trong đó có Mỹ. Đại hội VII xác định bình thường hoá quan hệ với Mỹ là một chủ trương quan trọng, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo nhân dân hai nước, có lợi cho hoà bình, ổn định và phát triển ở khu vực; chủ trương chuyển chính sách với Mỹ từ đối đầu sang hợp tác và đấu tranh và nhận thức “*chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội bình thường hoá quan hệ với Mỹ*”²⁷, do đó đã có sự chủ động, tích cực để bình thường hóa và phát triển quan hệ với Mỹ.

Thứ hai, chính sách của Việt Nam trong quan hệ với Mỹ luôn nhấn mạnh nội dung hợp tác kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật. Việc cải thiện quan hệ với Mỹ tạo cơ hội cho Việt Nam tiếp cận một thị trường lớn, tiềm lực kinh tế, khoa học - công nghệ phát triển hàng đầu, trình độ quản lý tiên tiến. Việt Nam hiện là đối tác thương mại lớn thứ 16 của Mỹ, và đang mong muốn ở top 10; ngược lại, Mỹ cũng là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam; hiện có 130 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn

đăng ký hơn 340 tỷ USD, trong đó Mỹ có 900 dự án còn hiệu lực với tổng giá trị hơn 9 tỷ USD²⁸.

Thứ ba, về chính trị, Việt Nam tìm kiếm sự ổn định khu vực, hội nhập toàn cầu. Phát triển quan hệ theo hướng tăng cường hợp tác với Mỹ góp phần tạo dựng một môi trường quốc tế hoà bình, ổn định, giúp Việt Nam có một môi trường thuận lợi thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược phát triển đất nước; thông qua đó cũng giúp cải thiện và thúc đẩy quan hệ với các nước khác để nâng cao hơn vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; để thu hút sự quan tâm hơn của cộng đồng quốc tế đến Việt Nam. Cải thiện và xử lý tốt các lĩnh vực quan hệ với Mỹ cũng nằm trong việc triển khai thực hiện phương châm đối ngoại cân bằng trong quan hệ với các nước lớn.

Thứ tư, về mặt an ninh, lợi ích của Việt Nam trong quan hệ với Mỹ cũng liên đới với yếu tố Trung Quốc. Khi những căng thẳng trên Biển Đông ngày càng phức tạp, Trung Quốc ngày càng “thị uy” với các quốc gia khác, thậm chí đe dọa vấn đề toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Việt Nam “*xem Mỹ như một chìa khóa cho việc duy trì cân bằng chiến lược ở Đông Nam Á*”²⁹, tạo nên thế đối trọng, cân bằng và kiềm chế Trung Quốc. Việt Nam có lợi ích trong hợp tác với Mỹ và các đối tác an ninh khác để duy trì trật tự khu vực dựa trên quy tắc cũng như thúc đẩy một cấu trúc an ninh khu vực không bị chi phối bởi bất kỳ cường quốc nào. Hiện nay Mỹ vẫn là

siêu cường số một thế giới, do vậy, Việt Nam cần khéo léo tận dụng khi Mỹ có thể còn đóng vai trò người cân bằng hay ủng hộ sự ổn định tại khu vực. Tuy nhiên, với khoảng cách gần về địa lý và mối quan hệ truyền thống giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng như tính nhạy cảm của Trung Quốc đối với Mỹ, Việt Nam cũng khá thận trọng trong việc thúc đẩy quan hệ với Mỹ.

3. Kết luận

Quan hệ Việt - Mỹ được đánh giá là một mối quan hệ đặc biệt, đây từng là hai cựu thù, từng ở hai phía đối diện trong một cuộc chiến tranh mang nhiều dấu ấn lịch sử. Trong hơn 20 năm qua, mối quan hệ này đã có những bước phát triển vượt bậc trên cơ sở được định hình một phần bởi các tính toán chiến lược về mặt lợi ích của cả hai bên. Việt Nam và Mỹ có những lợi ích song trùng, phù hợp với lợi ích quốc gia của cả hai bên, đây chính là nền tảng quan trọng cho quá trình phát triển quan hệ song phương giữa hai quốc gia trên các phương diện như nhận định "*từ sau Chiến tranh Lạnh, các lợi ích chiến lược của Việt Nam và Mỹ đã trở nên tương đồng nhau, với việc ưu tiên cao nhất của cả hai nước trong khu vực là một môi trường hòa bình và ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế*"³⁰.

Về phía Mỹ, Việt Nam nằm trong sự điều chỉnh chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh Lạnh nói chung, với khu vực nói riêng. Phát triển quan hệ với

Việt Nam - quốc gia vừa có vị trí địa chiến lược quan trọng, vừa nhiều tiềm năng phát triển là đáp ứng lợi ích nhiều mặt của Mỹ không chỉ trong quan hệ song phương mà cả trong các quan hệ đa phương khác của Mỹ ở khu vực. Do khu vực này ngày càng quan trọng đối với Mỹ, với Việt Nam cũng có những lợi ích song trùng ngày càng sâu và rộng nên các Chính quyền Mỹ đều muốn nâng cấp quan hệ với Việt Nam, thậm chí mở ra khả năng thiết lập một mối quan hệ đối tác chiến lược trong tương lai.

Về phía Việt Nam, thúc đẩy quan hệ với Mỹ xuất phát từ các động lực kinh tế, đặc biệt là mong muốn trong việc tận dụng thị trường, vốn và công nghệ và khía cạnh chính trị, Mỹ là một nhân tố quan trọng trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại "*đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*"; đồng thời, phát triển quan hệ tốt với Mỹ cũng giúp Việt Nam cải thiện và thúc đẩy quan hệ với các nước khác để nâng cao hơn vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ngoài ra, hai quốc gia còn chia sẻ mối quan tâm chung về hòa bình và an ninh khu vực, với Việt Nam đó còn là vấn đề liên đới với vấn đề chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Việt Nam và Mỹ đều chia sẻ lợi ích duy trì một môi trường hòa bình, ổn định và thịnh vượng ở khu vực, nơi tự do, an ninh và an toàn hàng hải và hàng không được tôn trọng dựa trên luật pháp quốc tế. Chiến lược biển đầy tham vọng của Trung Quốc thách thức trật tự,

hòa bình cũng như vị thế của Mỹ ở khu vực, ở một góc độ nào đó, chính là chất xúc tác giúp cho quá trình hội tụ chiến lược giữa Mỹ và Việt Nam cũng như giúp cho hợp tác chiến lược giữa hai nước đã được củng cố trong thời gian qua, đặc biệt là trên một số lĩnh vực trước nay khá hạn chế.

Tuy mối quan hệ giữa hai quốc gia đã xây dựng được những nền tảng căn bản và có nhiều bước phát triển vượt bậc, những vấn đề còn nhiều khiếm tốn, có nhiều tiềm năng chưa được khai phá. Bên cạnh những lợi ích tương đồng, trong một số vấn đề, cách tiếp cận của hai bên còn những khác biệt như vấn đề lòng tin chính trị giữa hai bên vẫn còn những rào cản; hay quan điểm về vấn đề dân chủ nhân quyền. Song, những khác biệt, hạn chế đó đang trong quá trình tiệm tiến, không phải là những lợi ích mang tính xung đột. Mục tiêu của cả hai quốc gia hiện tại là thúc đẩy quan hệ mọi mặt, đồng thời làm sâu thêm mối quan hệ đối tác toàn diện mà hai bên đã xác lập để phát triển thành đối tác chiến lược bởi quan hệ hai bên có nhiều tiềm năng phong phú, đan xen nhiều lợi ích; giữa Mỹ và Việt Nam không có xung đột về mặt lợi ích chiến lược; hợp tác song phương hiện tại vẫn còn nhiều khả năng để nâng cấp trong tương lai ■

Tài liệu tham khảo:

1. Aaron Scott Turner (2014), "Vietnam and the United States: Convergence but Not Congruence of Strategic Interests in the South China Sea", *International Affairs Review*, Volume XXIII,

<http://iar-gwu.org/sites/default/files/articlepdfs/2-US-Vietnam%20Security-Turner.pdf>

2. Alexander L. Vuving. "A Breakthrough in US-Vietnam Relations". *The Diplomat*, April 10, 2015, <https://thediplomat.com/2015/04/a-break-through-in-us-vietnam-relations/>.
3. Bộ Công thương (2019), "Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam", Nxb. Công thương, Hà Nội.
4. Burchill, Scott (2005), "The National Interest in International Relations Theory", New York: Palgrave Macmillan.
5. Dawn (2010), "National Interests and Diplomacy", <http://www.dawn.com/news/846325/nationalinterests-and-diplomacy>
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
9. Ferguson, Laura E. (2011), "Kicking the Vietnam syndrome? Collective memory of the Vietnam War", Fictional American cinema following the 1991 Gulf War, PhD thesis, University of Glasgow, p.8, http://theses.gla.ac.uk/2672/1/2011_fergusonphd.pdf
10. Friedberg, Aaron L. A (2011), "Contest for Supremacy: China, America, and the Struggle for Mastery in Asia", New York: W.W. Norton & Company.
11. Hoàng Khắc Nam, "Một số khía cạnh của lợi ích trong hợp tác quốc tế", Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 4(252)-2017.
12. Hughes, Christopher W. "Japan's military modernisation: a quiet Japan - China arms race and global power projection", *Asia-Pacific Review*, Vol. 16, No.1 (2009): 84-99.
13. Jackson, Robert and Georg Sørensen (2003), "Introduction to International Relations: Theories and Approaches", Oxford: Oxford University Press.
14. Morgenthau, Hans J, *Politics Among Nations: The Struggle for Power and Peace* (Boston: McGraw-Hill, 2006).
15. Nguyễn Hữu Cát - Lê Thu Hằng, "Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Mỹ: Thuận lợi và khó khăn", Tạp chí *Châu Mỹ Ngày nay*, 4/1995.
16. "National Security Strategy of the United States of America". December 2017, <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2017/12/NS-S-Final-12-18-2017-0905.pdf>.

17. PGS, TS. Nguyễn Xuân Sơn, TS. Nguyễn Văn Du (chủ biên) (2006), "Chiến lược đối ngoại của các nước lớn và quan hệ với Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
 18. Raymond Burghardt, "New Strategic Partners U.S. and Vietnam Begin Tough Trade Talks". *East-West center*, February, 29, 2012, <https://www.eastwestcenter.org/news-center/east-west-wire/new-strategic-partners-us-and-viet-nam-begin-tough-trade-talks>.
 19. Riaz-Ud-Din. "The National Interest". *World Times*, October 19, 2015, <http://fjworldtimes.com/fjw2015/csexclusive/css-special/the-national-interest/>.
 20. Sutch, Peter and Juanita Elias. *International Relations: The Basics*. Oxon: Routledge, 2007.
 21. Trần Nam Tiến, "Lợi ích quốc gia trong chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới", Tạp chí *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 10(71)-2013.
 22. Trần Nam Tiến (2010), "Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ thực trạng và triển vọng", Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
 23. Urmila Sharma & S.K. Sharma. *Principles and Theory of Political Science*. Dehli: Atlantic Publishers & Distributors (P) Ltd, 2000.
 24. Vũ Khoan, "An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại", trong Chính sách đối ngoại Việt Nam, Học viện Quan hệ quốc tế, NXB. Thế Giới, Hà Nội, 2007.
- Chú thích:**
1. Vũ Khoan, "An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại", trong Chính sách đối ngoại Việt Nam, Học viện Quan hệ quốc tế, NXB. Thế giới, Hà Nội, 2007.
 2. Hoàng Khắc Nam, "Một số khía cạnh của lợi ích trong hợp tác quốc tế", *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 4(252)-2017, tr. 37.
 3. Trần Nam Tiến, "Lợi ích quốc gia trong chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới", Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10(71)-2013, tr. 23.
 4. Dẫn lại theo Hoàng Khắc Nam (2017), Tidd, tr. 37.
 5. Jackson, Robert and Georg Sørensen (2003), "Introduction to International Relations: Theories and Approaches" Second Edition. Oxford: Oxford University Press, p. 68.
 6. Trần Nam Tiến, "Hội chứng Việt Nam (Vietnam Syndrome)" trong Đào Minh Hồng - Lê Hồng Hiệp (chủ biên), *Sổ tay Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế*, <http://nghiencuuquocte.org/2015/08/29/hoi-chung-viet-nam/>.
 7. Ferguson, Laura E. (2011), "Kicking the Vietnam syndrome? Collective memory of the Vietnam War", Fictional American cinema following the 1991 Gulf War, PhD thesis, University of Glasgow, p.8, <http://theses.gla.ac.uk/2672/1/2011fergusonphd.pdf>
 8. Trần Nam Tiến (2010), "Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ thực trạng và triển vọng", Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội, tr. 25.
 9. Outperformers: High-growth emerging economics and the companies that propel them, <https://www.mckinsey.com/featured-insights/innovation-and-growth/outperformers-high-growth-emerging-economics-and-the-companies-that-propel-them>.
 10. Jane Perlez, "U.S. Competes With China for Vietnam's Allegiance", *The New York Times*, June 19 2006, <https://www.nytimes.com/2006/06/19/world/asia/19vietnam.html>.
 11. Nguyễn Hữu Cát - Lê Thu Hằng, "Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Mỹ: Thuận lợi và khó khăn", Tạp chí *Châu Mỹ Ngày nay*, 4/1995, tr. 44.
 12. Bộ Công thương (2019), "Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam", Nxb. Công thương, Hà Nội, tr. 106.
 13. Aaron Scott Turner (2014), "Vietnam and the United States: Convergence but Not Congruence of Strategic Interests in the South China Sea", *International Affairs Review*, Volume XXIII, p.8, <http://iar-gwu.org/sites/default/files/articlepdfs/2-US-Vietnam%20Security-Turner.pdf>
 14. Sadhavi Chauhan, "Vietnam's role in ASEAN", *East Asia forum*, 23 October 2013, <http://www.eastasiaforum.org/2013/10/23/vietnam-role-in-asean/>.
 15. "National Security Strategy of the United States of America", December 2017, <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>.
 16. Hughes, Christopher W., "Japan's military modernisation: a quiet Japan - China arms race and global power projection", *Asia-Pacific Review*, Vol. 16, No. 1 (2009), pp. 84-89.
 17. Chas W. Freeman, Jr. (USFS, Ret.), "Indo-Pacific Dynamics in Trans-Pacific Perspective", *Remarks to The George Washington University's Elliott School of Foreign Affairs Conference on Power, Identity, and Security: Regional Cooperation and the U.S. Role*, <https://www.mepe.org/speeches/indo-pacific-dynamics-trans-pacific-perspective>.
 18. Friedberg, Aaron L.A (2011), "Contest for Supremacy: China, America, and the Struggle for Mastery in Asia", New York: W.W. Norton & Company, p.2
 19. "National Security Strategy of the United States of America" (2017), *Ibid*, p. 46.

20. "National Security Strategy of the United States of America" (2017), Ibid, p. 46.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.114.
22. Trần Nam Tiến, "Lợi ích quốc gia trong chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới", Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10(71)-2013, tr. 27.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.235-236.
24. Ban Chỉ đạo tổng kết - Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (2015), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - Thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.200.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.34-35.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), "Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI", Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 235-236.
27. PGS, TS. Nguyễn Xuân Sơn, TS. Nguyễn Văn Du (chủ biên) (2006), "Chiến lược đối ngoại của các nước lớn và quan hệ với Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 206.
28. Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính - Bộ Tài Chính, "Hoa Kỳ là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam", [https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvscstc/r/m/ncvtd/ncvtd_chitie!;jsessionid=ynHEbPTR8pRhsSGrjW3TbUAB3b-qeYYUmAq836PSA6zjud5Jyj_8!717666715!12036466636?dDocName=MOFUCM154795&dID=161574&_afLoop=42787619678567261#!%40%40%3FdlD%3D161574%26_afLoop%3D42787619678567261%26dDocName%3DMOFUCM154795%26_adf.ctrl-state%3D1axr6nz8mo_4](https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvscstc/r/m/ncvtd/ncvtd_chitie!;jsessionid=ynHEbPTR8pRhsSGrjW3TbUAB3b-qeYYUmAq836PSA6zjud5Jyj_8!717666715!1203646636?dDocName=MOFUCM154795&dID=161574&_afLoop=42787619678567261#!%40%40%3FdlD%3D161574%26_afLoop%3D42787619678567261%26dDocName%3DMOFUCM154795%26_adf.ctrl-state%3D1axr6nz8mo_4)
29. Raymond Burghardt, "New Strategic Partners U.S. and Vietnam Begin Tough Trade Talks", *East-West center*, February, 29, 2012, <https://www.eastwestcenter.org/news-center/east-west-wire/new-strategic-partners-us-and-vietnam-begin-tough-trade-talks>.
30. Alexander L. Vuving, "A Breakthrough in US-Vietnam Relations", *The Diplomat*, April 10, 2015, <https://thediplomat.com/2015/04/a-break-through-in-us-vietnam-relations/>.